

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 2708/TTr-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo nghị quyết Quy định nội dung, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra số 209/BC-HĐND ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số nội dung, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là Chương trình) trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

a. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã.

b. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng, thụ hưởng, quyết toán kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện Chương trình.

Điều 2. Nội dung và mức chi

1. Mức hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn

Ngân sách Trung ương hỗ trợ tối đa 70%, ngân sách địa phương (ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện) hỗ trợ 10% kinh phí thực hiện mô hình theo dự án được phê duyệt trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

2. Mức hỗ trợ chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng cho các cá nhân, tổ chức; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm chủ lực xã, huyện, tỉnh

a. Hỗ trợ 100% chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng (lần đầu) cho các cá nhân, tổ chức nhưng không quá 05 triệu đồng/mã số. Ưu tiên cấp mã vùng trồng cho vùng sản xuất đã được đánh giá chứng nhận vùng trồng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) và nông nghiệp hữu cơ.

b. Hỗ trợ 01 lần 100% kinh phí tư vấn thiết lập và áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh nằm trong vùng nguyên liệu (diện tích vùng nguyên liệu áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc theo quy định về cấp mã số vùng trồng) nhưng không quá 45 triệu đồng/cơ sở.

c. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn thực hiện mức hỗ trợ chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng cho các cá nhân, tổ chức; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm chủ lực xã, huyện, tỉnh.

3. Mức hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại

a. Ngân sách Trung ương hỗ trợ tối đa 50%, ngân sách địa phương (ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện) hỗ trợ 10% kinh phí thực hiện các mô hình cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại theo dự án được phê duyệt trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

b. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn thực hiện mức hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại.

4. Nội dung và mức hỗ trợ bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn

a. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ điều tra, xây dựng dự án để duy trì các hộ hoặc nhóm hộ nghề, nghề nhân hoạt động “trình diễn” tại các làng nghề đang bị mai một và có khả năng mất đi nhằm lưu giữ, truyền nghề và phục vụ nhu cầu du lịch, văn hóa.

b. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 50% kinh phí thực hiện nhưng không quá 250 triệu đồng/dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn thực hiện mức hỗ trợ bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn.

5. Mức hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền

Hỗ trợ 60% kinh phí phát triển điểm du lịch và phát triển sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng miền theo dự án được phê duyệt trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

6. Mức hỗ trợ tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi hội, Tổ hội nghề nghiệp

a. Hỗ trợ 80% kinh phí xây dựng các mô hình Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự” và “5 cùng” nhưng không quá 30 triệu đồng/mô hình.

b. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn thực hiện mức hỗ trợ tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi hội, Tổ hội nghề nghiệp.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan có chức năng giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII, Kỳ họp thứ Chín thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 12 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Vụ pháp chế thuộc Bộ Tài chính;
- Vụ pháp chế thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh, HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Gia Lai, Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VT - VP



Hồ Văn Niên